

Bản án số: 281/2023/DS-ST

Ngày 23 - 11 - 2022

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông phạm Việt Hưng

Ông Trần Chí Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 532/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Chị Trịnh Hồng L, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Anh Phan Thanh H, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Anh Phạm Văn K, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Trần Hồng T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trịnh Hồng L và anh Phan Thanh H thống nhất trình bày: Trước đây, anh chị làm chủ hui, anh và chị T có tham gia chơi trong các dây hui, cụ thể:

Dây hội 3.000.000đ, mở ngày 10/02/2020 âm, mỗi tháng khai 01 lần, dây hội gồm 36 phần, anh K và chị T tham gia 01 phần. Quá trình chơi hội, anh K và chị T tham gia đến kỳ thứ 06 hốt hội được số tiền 78.060.000đ. Sau đó, anh K và chị T đóng hội chết đến kỳ thứ 33 thì ngưng. Số tiền anh K và chị T nợ anh chị là 03 kỳ x 3.000.000đ = 9.000.000đ.

Dây hội 3.000.000đ, mở ngày 10/8/2022 âm, mỗi tháng khai 01 lần, dây hội gồm 37 phần, anh K và chị T tham gia 01 phần. Quá trình chơi hội, anh K và chị T hốt hội kỳ thứ 01 được số tiền 72.050.000đ. Sau đó, anh K và chị T đóng hội chết đến kỳ thứ 11 thì ngưng. Số tiền anh K và chị T nợ anh chị là 26 kỳ x 3.000.000đ = 78.000.000đ.

Nay anh chị yêu cầu anh K và chị T trả tổng số tiền là 87.000.000đ.

Đối với anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị L, anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trịnh Hồng L và anh Phan Thanh H khởi kiện yêu cầu anh Phạm Văn K và chị Trần Hồng T trả tiền nợ hội là vụ kiện tranh chấp hội, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị L, anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh K và chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc các đương sự có tham gia chơi hội và anh K, chị Tm còn nợ tiền hội chị L, anh H 87.000.000đ là thực tế có xảy ra. Xét thấy: Chị L, anh H là chủ hội với vai trò bảo lãnh cho các hội viên tham gia chơi hội, còn chị T, anh K là hội viên. Trong quá trình chơi hội, nếu có hội viên hốt hội xong mà không thực hiện nghĩa vụ đóng hội thì với vai trò là chủ hội chị L và anh H phải đóng hội thay cho hội viên đó.

Như vậy, trong quá trình chơi hội anh K và chị T sau khi hốt hội không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hội cho chị L, anh H. Với vai trò là chủ hội, chị L và anh H phải thực hiện nghĩa vụ đóng hội thay của anh K, chị T đối với các hội viên khác. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị L, anh H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét về nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh K, chị T đã biết được nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị L và anh H nhưng anh, chị không có ý kiến, không đưa ra chứng cứ chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để xét xử là phù hợp với khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặt khác, khi chị T tham gia chơi trong dây hụi do chị L và anh H mở thì anh K với chị T đang chung sống cuộc sống vợ chồng và hiện nay anh chị vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân. Do đó, khoản nợ hụi của chị L, anh H là khoản nợ chung của anh K với chị T được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Như vậy, anh K và chị T phải cùng có nghĩa vụ trả tiền cho chị L và anh H là phù hợp.

[5] Xét về án phí dân sự: Anh K và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Hồng L và anh Phan Thanh H.

1. Buộc anh Phạm Văn K và chị Trần Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho chị Trịnh Hồng L và anh Phan Thanh H số tiền là 87.000.000 đồng (tám mươi bảy triệu đồng).

2. Kể từ ngày chị Trịnh Hồng L và anh Phan Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Văn K và chị Trần Hồng T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh K, chị T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1. Chị Trịnh Hồng L và anh Phan Thanh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị L, anh H 2.175.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000413 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3.2. Anh Phạm Văn K và chị Trần Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 4.350.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh